

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

S
★
C

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2003**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - CTCK)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - CTCK)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - CTCK)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - CTCK)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy phép hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được cấp Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP, do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 255 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo Giấy phép thành lập là 200 tỷ đồng Việt Nam.

Hội đồng Quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Lâm Hoàng Lộc	Chủ tịch
Ông Lê Minh Tâm	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	Ủy viên
Ông Ong Cheow Kheng	Ủy viên
Ông Ong Seng Gee	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2008)

Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính đầu tiên và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Minh Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Ong Cheow Kheng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát được bổ nhiệm theo biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2007 bao gồm:

Ông Phạm Thành Tiến
Ông Tan Pei-San
Ông Jason Foo

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng chúng một cách nhất quán;
- thực hiện các phán đoán và ước lượng một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chúng tôi, ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai qui định khác.

PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 20. Các báo cáo tài chính này trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM ENG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.



Ian S. Lydall
Số chứng chỉ KTV: N.0559/KTV
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM2156
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.064
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.960
1	Tiền		5.960
2	Các khoản tương đương tiền		3.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4(a)	105.967
1	Đầu tư ngắn hạn		105.967
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn		9.780
1	Phải thu khách hàng		4.635
2	Trả trước cho người bán		173
5	Các khoản phải thu khác		4.972
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-
V	Tài sản ngắn hạn khác		2.357
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		868
2	Thuế GTGT được khấu trừ		114
4	Tài sản ngắn hạn khác		1.375
B	TÀI SẢN DÀI HẠN		76.287
II	Tài sản cố định		27.381
1	Tài sản cố định hữu hình	5(a)	18.926
	Nguyên giá		23.262
	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.336)
3	Tài sản cố định vô hình	5(b)	7.809
	Nguyên giá		9.542
	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.733)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5(c)	646
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	47.541
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		47.541
	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		1.085
	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		46.456
V	Tài sản dài hạn khác		1.365
1	Chi phí trả trước dài hạn	6	1.245
3	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán		120
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		203.351


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31 tháng 12 năm 2008	Triệu đồng
A	NỢ PHẢI TRẢ			8.284
I	Nợ ngắn hạn			8.081
2	Phải trả người bán			974
3	Người mua trả tiền trước			205
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7		158
6	Chi phí phải trả	8		1.358
7	Phải trả nội bộ	14		8
8	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán			5.281
9	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu			53
11	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác			44
II	Nợ dài hạn			203
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm			203
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU			195.067
I	Vốn chủ sở hữu			195.067
1	Vốn góp của chủ sở hữu	9		200.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	9		(3.250)
10	Lỗi lũy kế	9		(1.683)
II	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				203.351


 Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng






 Lê Minh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 Triệu đồng
1	Doanh thu	30.114
	<i>Trong đó:</i>	
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.201
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.626
	Doanh thu hoạt động tư vấn	537
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	70
	Doanh thu khác	22.680
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	30.114
4	Chi phí hoạt động kinh doanh	10 (12.557)
5	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	17.557
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11 (19.216)
7	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.659)
8	Thu nhập khác	12 14
9	Chi phí khác	12 (38)
10	Chi phí khác – Số thuần	(24)
11	Tổng lỗ kế toán trước thuế	(1.683)
12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	13 -
13	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13 -
14	Lỗ sau thuế TNDN	(1.683)


 Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng


 Lê Minh Tâm
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Giai đoạn từ
ngày 14 tháng 12 năm
2007 đến ngày 31 tháng
12 năm 2008
Triệu đồng

Mã số	Thuyết minh	
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
1	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	5.013
2	Tiền chi hoạt động kinh doanh	(18.959)
3	Tiền chi nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	(120)
4	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	4.965.499
5	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	(4.959.928)
8	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	(5.409)
9	Tiền chi trả cho người lao động	(9.747)
10	Tiền chi trả lãi vay	(70)
12	Tiền thu hoạt động kinh doanh	14
13	Tiền chi khác	(36)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(23.743)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(31.866)
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(134.456)
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(51.352)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	29.050
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.321
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(167.303)
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
1	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	200.000
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	200.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	8.954
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 -
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	6
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	8.960

Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Lê Minh Tâm
Tổng Giám đốc
Ngày 23 tháng 2 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 20 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2007
(NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY) ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Eng Việt Nam ("Công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 71/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, tư vấn tài chính, đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có 81 nhân viên.

2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa theo quy ước giá gốc có bổ sung các khoản đầu tư giữ để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2007 (ngày thành lập Công ty) đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo triệu đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản đầu tư**(a) Đầu tư ngắn hạn***Đầu tư chứng khoán ngắn hạn*

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn ban đầu được ghi nhận theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá vốn trừ dự phòng. Dự phòng được lập khi có sự suy giảm giá trị của chứng khoán và được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

Các hợp đồng mua lại và bán lại (hợp đồng Repo)

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc bán chứng khoán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định, với một giá cụ thể trong tương lai được gọi là hợp đồng mua lại. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí, và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua chứng khoán đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định, với một mức giá cụ thể trong tương lai được ghi nhận vào các khoản đầu tư ngắn hạn trong bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

(b) Đầu tư dài hạn*Đầu tư sẵn sàng để bán*

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế. Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Thay đổi trong giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu và sẽ được chuyển sang báo cáo kết quả kinh doanh khi bán các khoản đầu tư này.

2.6 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**(b) Đầu tư dài hạn (tiếp theo)***Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá mua. Sau đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng lãi suất hữu hiệu.

Cổ tức được hưởng từ các khoản đầu tư chứng khoán vốn trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh. Tiền lãi hưởng được từ các đầu tư chứng khoán nợ được ghi nhận giảm trừ vào giá vốn cho phần lãi được hưởng cho giai đoạn trước ngày đầu tư chứng khoán và ghi nhận vào thu nhập đầu tư cho phần lãi được hưởng kể từ ngày đầu tư.

2.7 Tài sản cố định*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng thuê	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm vi tính	5 năm

Thanh lý

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, phí đào tạo, chi phí chuyển dịch địa điểm và chi phí quảng cáo. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ trong vòng 2 năm từ khi bắt đầu hoạt động.

2.9 Chi phí vay

Các khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Chi phí vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp kết quả hợp đồng không chắc chắn, doanh thu chỉ được ghi nhận trên phần chi phí thu hồi lại.

Thu nhập từ kinh doanh

Thu nhập từ kinh doanh được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

2.11 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, cho sự chênh lệch tạm thời giữa giá trị tính thuế của tài sản và nợ phải trả với giá trị sổ sách ghi trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại không được tính khi nó phát sinh từ sự ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sát nhập doanh nghiệp, mà giao dịch đó không có ảnh hưởng đến lợi nhuận/lỗ kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được bán đi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận tới chừng mực có thể sử dụng được những chênh lệch tạm thời để tính vào lợi nhuận chịu thuế có thể có được trong tương lai.

2.12 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có một nghĩa vụ- pháp lý hoặc liên đới- hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.14 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động căn cứ vào khoảng thời gian làm việc cho Công ty tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng được tính bằng nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc của người lao động tại Công ty, dựa trên mức lương tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

2.15 Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận và các quỹ***Phân chia lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được đại hội cổ đông chấp thuận và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo thông tư 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập nhằm bảo toàn hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thua lỗ trong kinh doanh hoặc dự phòng cho lỗ hoặc tổn thất do các nguyên nhân khách quan.

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ

Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ được trích lập hàng năm với mức 5% lợi nhuận của Công ty cho đến khi đạt 10% vốn góp điều lệ theo thông tư 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành áp dụng cho các công ty chứng khoán. Quỹ được trích lập để sử dụng vào việc mở rộng kinh doanh hoặc bổ sung vốn điều lệ đã góp.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2008 Triệu đồng
Tiền mặt	19
Tiền gửi ngân hàng	370
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	5.571
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000
	<u>8.960</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

	Giá sổ sách	2008		Giá trị thị trường	Chênh lệch
		So với giá trị thị trường			
		Tăng	Giảm		
Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Các giao dịch mua và bán lại chứng khoán (Repo)	17.967	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	88.000	-	-	-	-
	<u>105.967</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Thông tin về giá trị thị trường không cần trình bày do các khoản đầu tư ngắn hạn là các giao dịch mua và bán lại chứng khoán (repo) và giao dịch tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng.

(b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

	Giá sổ sách	2008		Giá trị thị trường	Chênh lệch
		So với giá trị thị trường			
		Tăng	Giảm		
Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	
Các chứng khoán niêm yết đầu tư sẵn sàng để bán	4.335	-	(3.250)	1.085	(3.250)
	<u>4.335</u>	<u>-</u>	<u>(3.250)</u>	<u>1.085</u>	<u>(3.250)</u>

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư giữ để ngày đáo hạn

	Giá trị Triệu đồng
Giữ đến ngày đáo hạn	46.456

Một khoản tiền lãi phải thu là 1.518 triệu đồng từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong các khoản phải thu khác.

5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nâng cấp thuê văn phòng Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị quản lý Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-	-
Mua trong năm	7.410	13.089	1.933	898	23.330
Thanh lý, nhượng bán	-	(68)	-	-	(68)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	7.410	13.021	1.933	898	23.262
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	926	3.012	240	169	4.347
Thanh lý, nhượng bán	-	(11)	-	-	(11)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	926	3.001	240	169	4.336
Giá trị còn lại					
Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	6.484	10.020	1.693	729	18.926

5 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

Phản mềm vi tính
Triệu đồng**Nguyên giá**

Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007

-

Mua trong năm

9.542

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

9.542

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007

-

Khấu hao trong năm

(1.733)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(1.733)

Giá trị còn lại

Tại ngày 14 tháng 12 năm 2007

-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

7.809

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

2008
Triệu đồng

Số dư đầu kỳ

-

Tăng

3.751

Chuyển sang tài sản cố định hữu hình

(3.105)

Số dư cuối kỳ

646

6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

2008
Triệu đồng

Số dư đầu kỳ

-

Tăng

1.660

Phân bổ trong kỳ

(415)

Số dư cuối kỳ

1.245

Chi phí phải trả dài hạn là tổng chi phí trước hoạt động và được phân bổ trong vòng 2 năm.

7 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2008 Triệu đồng
Thuế	
Thuế thu nhập cá nhân	158
	<u>158</u>

8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2008 Triệu đồng
Lương tháng 13 và thưởng	745
Chi phí kiểm toán và tư vấn	144
Chi phí giao dịch chứng khoán	159
Khác	310
	<u>1.358</u>

9 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số đầu kỳ Triệu đồng	Tăng Triệu đồng	Giảm Triệu đồng	Số cuối kỳ Triệu đồng
I Vốn chủ sở hữu				
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	200.000	-	200.000
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	(3.250)	(3.250)
10 Lỗi lũy kế	-	-	(1.683)	(1.683)
	<u>-</u>	<u>200.000</u>	<u>4.933</u>	<u>195.067</u>

10 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2008 Triệu đồng
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	1.584
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	300
Chi phí về vốn kinh doanh	102
Chi phí lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	50
Chi phí khác trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	10.521
	<u>12.557</u>

11 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2008 Triệu đồng
Khấu hao tài sản cố định	3.905
Chi phí nhân viên	6.077
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	95
Chi phí công cụ, đồ dùng	650
Thuế, phí, lệ phí	5
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.484
	<hr/>
	19.216
	<hr/> <hr/>

12 CHI PHÍ KHÁC

	2008 Triệu đồng
Thu nhập khác	14
	<hr/>
Chi phí khác	(38)
	<hr/>
Chi phí khác – Số thuần	(24)
	<hr/> <hr/>

13 THUẾ

Công ty không có chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty có kết quả kinh doanh lỗ trong năm.

Một khoản chênh lệch tạm thời 3.250 triệu đồng phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản đầu tư giữ để bán. Một khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại 813 triệu đồng phát sinh từ khoản chênh lệch trên không được ghi nhận vào báo cáo tài chính năm nay vì không có cơ sở chắc chắn rằng lợi nhuận trong tương lai có đủ để sử dụng khoản thuế hoãn lại này.

14 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Kim Eng Holdings Singapre do chiếm 49%.

(a) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Doanh thu phí giao dịch chứng khoán và phí xác nhận

	2008 Triệu đồng
Các công ty thành viên thuộc tập đoàn	
Kim Eng Securities Pte.Ltd-Trust	24
Kim Eng Securities (Thailand) Public	14
Các bên liên quan khác	24
	<hr/>
	62
	<hr/> <hr/>

ii) Mua tài sản cố định

	2008 Triệu đồng
Các bên liên quan khác	509
	<hr/> <hr/>

iii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	2008 Triệu đồng
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.310
	<hr/> <hr/>

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

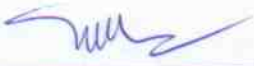
	2008 Triệu đồng
Phải trả Kim Eng Holdings Singapore	8
	<hr/> <hr/>

15 CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2008
	Triệu đồng
Máy móc và thiết bị	113
Tài sản cố định vô hình	1.105
	<hr/>
	1.218
	<hr/> <hr/>

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 23 tháng 2 năm 2009.



 Ngô Thanh Thủy
 Kế toán trưởng




 Lê Minh Tâm
 Tổng Giám đốc